VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VŨ ĐÌNH LONG

GIẢI PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục
Mã số: 9.14.01.14

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

HÀ NỘI, 2026

Công trình được hoàn thành tại:
Học viện Khoa học xã hội
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Người hướng dẫn khoa học:
1. PGS.TS. NGUYỄN KHẮC BÌNH
2. PGS. TS. NGUYỄN KHẮC HÙNG

Phản biện 1: GS.TS. Trần Quốc Thành

Phản biện 2: PGS.TS. Phạm Văn Thuần

Phản biện 3: TS. Nguyễn Quốc Trị

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, tại: Học viện Khoa học xã hội, 477 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội Vào hồi giờ ngày tháng năm 2026

Có thể tìm hiểu luận án tại: - Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Khoa học Xã hội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 xác định hoạt động trải Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế tri thức, kinh tế số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các công nghệ mới đang làm biến đổi nhanh chóng cơ cấu ngành nghề, tiêu chuẩn năng lực lao động và phương thức tham gia thị trường việc làm của mỗi cá nhân. Quá trình dịch chuyển này không chỉ diễn ra trong phạm vi từng quốc gia mà còn mở rộng trên quy mô khu vực và toàn cầu, làm cho thế giới nghề nghiệp trở nên đa dạng hơn, linh hoạt hơn nhưng cũng bất định hơn. Nhiều nghề truyền thống bị thay thế, nhiều nghề mới xuất hiện, trong khi yêu cầu về năng lực của người lao động không còn dừng ở tri thức chuyên môn đơn thuần mà chuyển mạnh sang các năng lực thích ứng, tư duy số, ngoại ngữ, giao tiếp liên văn hóa, khả năng học tập suốt đời và năng lực ra quyết định nghề nghiệp trong môi trường cạnh tranh xuyên biên giới.

Trong thực tế ở các trường THPT hiện nay, quản lý giáo dục hướng nghiệp vẫn còn bộc lộ không ít bất cập. Một hạn chế đáng chú ý khác là công tác quản lý giáo dục hướng nghiệp ở nhiều cơ sở giáo dục phổ thông chưa dựa trên nền tảng dữ liệu đầy đủ và cập nhật. Trong điều kiện hội nhập quốc tế, quản lý giáo dục hướng nghiệp cần gắn với thông tin về xu hướng nghề nghiệp mới, nhu cầu nhân lực của nền kinh tế số, sự thay đổi chuẩn kỹ năng lao động, nhu cầu của doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài, cũng như triển vọng việc làm trong các lĩnh vực mới nổi.

Vì vậy, việc lựa chọn đề tài "Giải pháp quản lý giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông Thành phố Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế" không chỉ có ý nghĩa thực tiễn cấp bách mà còn có giá trị khoa học rõ rệt.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu đề tài là đề xuất hệ thống giải pháp quản lý giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông Thành phố Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế trên cơ sở nghiên cứu lý luận, khảo sát thực trạng và kiểm chứng tính cần thiết, khả thi của các giải pháp.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến quản lý GDHN cho HS THPT trong bối cảnh hội nhập quốc tế, xác định khoảng trống nghiên cứu. Xây dựng cơ sở lý luận và khung nghiên cứu về quản lý GDHN cho HS THPT trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng quản lý GDHN cho HS THPT Thành phố Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Đề xuất, khảo nghiệm và thử nghiệm một số giải pháp quản lý GDHN cho HS THPT Thành phố Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

3. Khách thể, đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh ở các trường trun học phổ thông.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Quản lý GDHN cho học sinh ở các trường trung học phổ thông Thành phố Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

Luận án nghiên cứu: Quản lý mục tiêu, nội dung, chương trình GDHN; Quản lý tổ chức nhân lực, điều kiện bảo đảm hoạt động GDHN; Quản lý hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động GDHN;Quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả GDHN.

Về địa bàn nghiên cứu: Các trường THPT, Trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Về khách thể điều tra, khảo sát: cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh, học sinh, cựu học sinh của một số trường trung học phổ thông, công chức, viên chức là lãnh đạo ở một số phòng chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc địa bàn nghiên cứu; một số chuyên gia nhà khoa học thuộc lĩnh vực nghiên cứu.

Về thời gian, các số liệu sử dụng cho quá trình nghiên cứu luận án được khảo sát, điều tra, tổng hợp từ năm 2019 đến năm 2024; Thử nghiệm được thực hiện làm một lần: Thử nghiệm vào năm học 2024 - 2025.

3.4. Giả thuyết khoa học

Nếu các trường THPT Thành phố Hà Nội xây dựng và thực hiện được hệ thống giải pháp quản lý GDHN theo hướng tích hợp các chức năng quản lý với các thành tố của quá trình GDHN.

4. Câu hỏi nghiên cứu

(1) Cơ sở lý luận nào định hướng cho việc xác định nội dung và mô hình quản lý GDHN theo tiếp cận tích hợp các chức năng quản lý với các thành tố của quá trình GDHN trong bối cảnh hội nhập quốc tế?

(2) Thực trạng công tác quản lý GDHN ở các trường THPT Thành phố Hà Nội hiện nay ra sao, và những yếu tố nào ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý?

(3) Cần xây dựng những giải pháp quản lý GDHN nào phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu đổi mới giáo dục?

(4) Việc khảo nghiệm và thử nghiệm một số giải pháp quản lý GDHN có tác động như thế nào đến hiệu quả tổ chức và chất lượng GDHN của nhà trường?

5.Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu của luận án về giải pháp quản lý giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông Thành phố Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế, tác giả sử dụng hệ thống phương pháp nghiên cứu theo hướng kết hợp giữa nghiên cứu lý luận, nghiên cứu thực tiễn và xử lý số liệu thống kê.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng và kết hợp đồng bộ một số giải pháp nghiên cứu định lượng và định tính: Phương pháp nghiên cứu văn bản, tài liệu; Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi; Phương pháp phỏng vấn sâu; Phương pháp khảo nghiệm. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận.Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn. Phương pháp xử lý số liệu

6. Đóng góp mới của luận án

Luận án đã luận giải, làm sáng tỏ cơ sở lý luận của quản lý GDHN cho học sinh THPT và thực tiễn của vấn đề quản lý GDHN cho học sinh trung học phổ thông Thành phố Hà Nội, cụ thể: khái quát và làm rõ khái niệm GDHN, quản lý GDHN cho học sinh trung học phổ thông, chỉ rõ con đường thực hiện các chức năng quản lý và những yếu tổ tác động đến quản lý GDHN cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh hội nhập quốc tế; khái quát bức tranh toàn cảnh về GDHN và quản lý GDHN cho học sinh ở các trường THPT Thành phố Hà Nội.

7. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn của luận án

7.1. Ý nghĩa lý luận:

Luận án tổng hợp, hệ thống hoá cơ sở lý luận để đề xuất các giải pháp quản lý GDHN cho học sinh trung học phổ thông Thành phố Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế, góp phần bổ sung, phát triển làm phong phú thêm lý luận quản lý, quản lý giáo dục, quản lý GDHN cho học sinh trung học phổ thông.

7.2. Ý nghĩa thực tiễn:

Cung cấp các giải pháp quản lý GDHN cho các CBQL các trường trung học phổ thông Thành phố Hà Nội để nâng cao chất lượng GDHN. Các giải pháp có thể vận dụng cho các trường THPT của các địa phương khác có điều kiện tương đồng. Kết quả nghiên cứu của luận án có thể làm tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác lãnh đạo, quản lý GDHN cho học sinh ở các trường trung học phổ thông trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Cung cấp cơ sở thực tiễn để đề xuất cho các cấp uỷ, chính quyền địa phương Thành phố Hà Nội trong lãnh đạo và ban hành các chính sách của địa phương để hỗ trợ các trường THPT trong quản lý GDHN đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

8. Cấu trúc luận án

Chương 1. Tổng quan nghiên cứu về quản lý giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh hội nhập quốc tế.Chương 2. Cơ sở lý luận về quản lý giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh hội nhập quốc tế.Chương 3. Thực trạng quản lý giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông Thành phố Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quóc tế.Chương 4. Các giải pháp quản lý giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông Thành phố Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

CHƯƠNG 1
TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

1.1. Các nghiên cứu về giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông

1.1.1. Các nghiên cứu về bản chất và vai trò của giáo dục hướng nghiệp

Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông, đặc biệt là cấp trung học phổ thông, đã được nghiên cứu rộng rãi trên thế giới từ nhiều góc độ khác nhau, gắn với sự phát triển của tâm lý học nghề nghiệp, giáo dục học và khoa học quản lý nguồn nhân lực. Một trong những nền tảng lý thuyết quan trọng của giáo dục hướng nghiệp là lý thuyết phát triển nghề nghiệp của Donald Super (1957, 1990). Tiếp nối hướng tiếp cận này, John L. Holland (155) đã xây dựng lý thuyết phân loại nhân cách nghề nghiệp

thành sáu nhóm cơ bản. Nhìn chung, các nghiên cứu trong và ngoài nước đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong việc làm rõ bản chất, vai trò và nội dung của giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, vẫn còn một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, đặc biệt là việc chuyển từ tiếp cận "hướng nghiệp để chọn nghề" sang "hướng nghiệp để phát triển năng lực thích ứng nghề nghiệp", cũng như việc gắn giáo dục hướng nghiệp với yêu cầu của thị trường lao động hiện đại và toàn cầu hóa.

1.2. Nghiên cứu về quản lý giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường THPT

Bên cạnh các nghiên cứu về giáo dục hướng nghiệp nói chung, một hướng nghiên cứu quan trọng đã và đang được quan tâm là quản lý giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông, đặc biệt ở cấp trung học phổ thông.

1.2.1. Nghiên cứu theo chức năng quản lý

Tiếp cận theo chức năng quản lý là hướng nghiên cứu phổ biến nhất trong các công trình về quản lý giáo dục nói chung và quản lý giáo dục hướng nghiệp nói riêng. Vận dụng vào lĩnh vực giáo dục, Harold Koontz và cộng sự (1990) cho rằng hiệu quả của quản lý phụ thuộc vào việc thực hiện đồng bộ và linh hoạt các chức năng quản lý trong từng bối cảnh cụ thể. Ở Việt Nam, các nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Quang (1998), Trần Kiểm (2012) đã vận dụng lý thuyết chức năng quản lý vào lĩnh vực giáo dục, trong đó nhấn mạnh rằng quản lý nhà trường phải được thực hiện một cách hệ thống, có kế hoạch, có tổ chức và có kiểm tra đánh giá.

1.2.2. Nghiên cứu theo mô hình quản lý

Một số nghiên cứu dựa trên tiếp cận hệ thống, tiêu biểu như Ludwig von Bertalanffy (1968), cho rằng nhà trường là một hệ thống mở, trong đó giáo dục hướng nghiệp là một tiểu hệ thống có mối liên hệ chặt chẽ với các thành tố khác như chương trình giáo dục, đội ngũ giáo viên, học sinh và môi trường xã hội. Một hướng tiếp cận khác là quản lý dựa trên kết quả, được đề cập trong các nghiên cứu của Peter Drucker (1954), nhấn mạnh rằng quản lý cần hướng tới mục tiêu đầu ra cụ thể. Ngoài ra, một số nghiên cứu gần đây đề cập đến mô hình quản lý tích hợp, trong đó kết hợp giữa các chức năng quản lý với các thành tố của giáo dục hướng nghiệp.

1.2.3. Nghiên cứu theo cơ chế phối hợp

Một hướng nghiên cứu quan trọng khác là quản lý giáo dục hướng nghiệp theo cơ chế phối hợp giữa các lực lượng giáo dục. OECD (2010) cho rằng một hệ thống giáo dục hướng nghiệp hiệu quả là hệ thống có sự kết nối chặt chẽ giữa nhà trường và thị trường lao động. Ở Việt Nam, một số nghiên cứu đã đề cập đến việc tăng cường phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp trong giáo dục hướng nghiệp, tuy nhiên phần lớn mới dừng ở mức đề xuất giải pháp, chưa xây dựng được cơ chế quản lý cụ thể và chưa đánh giá được hiệu quả của sự phối hợp này.

1.2.4. Nghiên cứu theo quản lý chất lượng

Tiếp cận quản lý chất lượng là một hướng nghiên cứu hiện đại trong quản lý giáo dục. W. Edwards Deming (1986) đã đề xuất mô hình cải tiến liên tục, nhấn mạnh vai trò của việc đánh giá và cải tiến chất lượng. Trong giáo dục, Joseph Juran (1988) cũng nhấn mạnh rằng chất lượng cần được quản lý một cách hệ thống và liên tục.

1.3. Nghiên cứu về giải pháp quản lý giáo dục hướng nghiệp

1.3.1. Nghiên cứu theo dạng giải pháp đơn lẻ

Trong hệ thống các nghiên cứu về quản lý giáo dục hướng nghiệp, phần lớn các công trình tập trung vào việc đề xuất các giải pháp đơn lẻ nhằm cải thiện từng khía cạnh của hoạt động GDHN trong nhà trường phổ thông. Trong các nghiên cứu quốc tế, Watts A.G. (2009) nhấn mạnh rằng một trong những yếu tố quyết định hiệu quả của giáo dục hướng nghiệp là sự tồn tại của hệ thống tư vấn hướng nghiệp chuyên nghiệp trong nhà trường. Ở Việt Nam, nhiều nghiên cứu cũng theo hướng này. Nguyễn Văn Hộ (2010) cho rằng cần nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò của GDHN, bởi nhận thức đúng là tiền đề cho hành động đúng. Đặng Danh Ánh (2015) đề xuất giải pháp tăng cường bồi dưỡng đội ngũ giáo viên nhằm nâng cao năng lực tổ chức hoạt động hướng nghiệp. Phạm Tất Dong (2018) lại nhấn mạnh đến việc đổi mới nội dung và phương pháp GDHN, trong đó chú trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp thực tế cho học sinh. Các nghiên cứu này đều có giá trị nhất định, góp phần làm rõ các yếu tố cần cải thiện trong GDHN.

1.3.2. Nghiên cứu theo dạng mô hình tích hợp

Nhằm khắc phục những hạn chế của cách tiếp cận giải pháp đơn lẻ, một số nghiên cứu đã chuyển sang xây dựng các mô hình giải pháp tích hợp, trong đó các yếu tố của quản lý và các thành tố của GDHN được kết nối thành một hệ thống thống nhất. Các nghiên cứu của OECD (2010, 2019) đã đề xuất mô hình hệ thống hướng nghiệp toàn diện, trong đó nhấn mạnh sự tích hợp giữa chính sách, chương trình giáo dục, hệ thống thông tin nghề nghiệp, đội ngũ tư vấn và sự tham gia của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Mark Savickas (2013) đã đề xuất cách tiếp cận tích hợp giữa giáo dục hướng nghiệp và phát triển năng lực thích ứng nghề nghiệp. Ở Việt Nam, một số nghiên cứu gần đây đã bước đầu tiếp cận theo hướng này, trong đó kết hợp giữa các chức năng quản lý với các thành tố của GDHN như mục tiêu, nội dung, phương pháp, lực lượng và điều kiện thực hiện. Nhìn chung, các nghiên cứu theo hướng mô hình tích hợp có ưu điểm là tạo ra cái nhìn toàn diện và hệ thống về quản lý GDHN.

1.3.3. Nghiên cứu có kiểm chứng thực nghiệm

Trong các nghiên cứu quốc tế, John Krumboltz (2009) đã nhấn mạnh vai trò của trải nghiệm học tập trong việc hình thành lựa chọn nghề nghiệp. Một số nghiên cứu gần đây bắt đầu chú ý đến yếu tố quản lý, trong đó xem xét tác động của các biện pháp quản lý như tổ chức chương trình, phân công nhiệm vụ, phối hợp lực lượng và sử dụng nguồn lực đối với hiệu quả GDHN. Ở Việt Nam, các nghiên cứu thực nghiệm về GDHN còn khá hạn chế, và các nghiên cứu về thực nghiệm giải pháp quản lý GDHN gần như chưa được thực hiện một cách hệ thống.

1.4. Nhận xét tổng quan và khoảng trống nghiên cứu

Thứ nhất, chưa có nhiều nghiên cứu coi quản lý giáo dục hướng nghiệp là đối tượng trung tâm phân tích ở cấp trung học phổ thông. Thứ hai, chưa có mô hình quản lý giáo dục hướng nghiệp được xây dựng theo hướng tích hợp giữa các chức năng quản lý với các thành tố của quá trình giáo dục hướng nghiệp. Thứ ba, chưa làm rõ yêu cầu đối với quản lý giáo dục hướng nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế, đặc biệt là mối quan hệ

giữa quản lý giáo dục hướng nghiệp với thị trường lao động, kinh tế số, trí tuệ nhân tạo và yêu cầu về kỹ năng nghề nghiệp mới. Thứ tư, chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về quản lý giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông tại Thành phố Hà Nội – một địa bàn có đặc điểm đặc thù về quy mô, cơ cấu và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực.

CHƯƠNG 2
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

2.1. Những vấn đề lý luận về giáo dục hướng nghiệp cho học sinh Trung học phổ thông trong bối cảnh hội nhập quốc tế

2.1.1. Những khái niệm cơ bản

(1) Nghề nghiệp

Nghề nghiệp được hiểu là: lĩnh vực hoạt động lao động tương đối ổn định, đòi hỏi hệ thống năng lực, kỹ năng và tri thức nhất định, được xã hội thừa nhận, mang lại giá trị kinh tế – xã hội cho cá nhân, đồng thời có khả năng biến đổi linh hoạt theo quá trình phát triển của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

(2) Hướng nghiệp

Hướng nghiệp là quá trình hỗ trợ cá nhân nhận thức bản thân, khám phá thế giới nghề nghiệp, ra quyết định và điều chỉnh lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, điều kiện cá nhân và yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

(3) Giáo dục hướng nghiệp

Giáo dục hướng nghiệp là quá trình giáo dục có mục đích, có kế hoạch, có tổ chức nhằm phát triển năng lực nhận thức nghề nghiệp, ra quyết định và thích ứng nghề nghiệp cho người học, đồng thời gắn với yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế trong bối cảnh hội nhập.

(4) Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THPT

Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông là quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục có mục đích, có kế hoạch nhằm phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp, ra quyết định và thích ứng nghề nghiệp cho học sinh, đồng thời chuẩn bị cho các em lựa chọn con đường học tập – nghề nghiệp phù hợp sau trung học trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

(5) Quản lý

Quản lý được hiểu là: quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch, có tổ chức của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý nhằm đạt được mục tiêu đề ra thông qua việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực và thích ứng với sự biến đổi của môi trường.

(6) Quản lý giáo dục

Quản lý giáo dục được hiểu là: quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của chủ thể quản lý đến hệ thống giáo dục và các hoạt động giáo dục nhằm đạt được mục tiêu giáo dục thông qua việc tổ chức, điều hành, kiểm soát và cải tiến các hoạt động giáo dục trong bối cảnh biến đổi.

(7) Quản lý giáo dục hướng nghiệp

Quản lý giáo dục hướng nghiệp là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch, có tổ chức của chủ thể quản lý trong và ngoài nhà trường đến mục tiêu, nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp, lực lượng và điều kiện bảo đảm GDHN nhằm hình thành năng lực định hướng nghề nghiệp cho học sinh, đáp ứng yêu cầu phát triển cá nhân và thích ứng với thị trường lao động trong nước và quốc tế.

(8) Giải pháp quản lý giáo dục hướng nghiệp

Giải pháp quản lý GDHN được hiểu là: hệ thống các biện pháp tác động có mục đích, có kế hoạch của chủ thể quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục hướng nghiệp, đảm bảo phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp cho học sinh và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2.1.2. Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh hội nhập quốc tế

2.1.2.1. Mục tiêu giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, việc xác định mục tiêu giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông không thể chỉ dừng lại ở việc diễn giải hoặc cụ thể hóa mục tiêu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, mà cần được mở rộng và nâng tầm theo các chuẩn mực và xu hướng quốc tế về phát triển nguồn nhân lực.

2.1.2.2. Nội dung giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Trước hết, nội dung giáo dục hướng nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế cần chú trọng phát triển nhận thức nghề nghiệp mang tính toàn cầu. Thứ hai, nội dung giáo dục hướng nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế cần tập trung mạnh vào phát triển kỹ năng và năng lực nghề nghiệp thích ứng, đặc biệt là các năng lực gắn với chuyển đổi số và toàn cầu hóa nghề nghiệp. Thứ ba, nội dung giáo dục hướng nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế cần hướng tới hình thành thái độ, giá trị và động cơ nghề nghiệp phù hợp với giáo dục suốt đời và công dân toàn cầu.

2.1.2.3. Hình thức giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Trước hết, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, giáo dục hướng nghiệp không thể chỉ giới hạn trong không gian vật lý của nhà trường, mà cần được mở rộng thông qua các hình thức giáo dục hướng nghiệp dựa trên nền tảng số. Bên cạnh đó, hình thức tích hợp giáo dục hướng nghiệp trong dạy học các môn học, đặc biệt là STEM/STEAM, ngày càng được coi là xu hướng quan trọng trong giáo dục hướng nghiệp hiện đại.

2.1.2.4. Phương tiện giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Một trong những xu hướng nổi bật về phương tiện giáo dục hướng nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế là việc sử dụng các nền tảng số và cơ sở dữ liệu nghề nghiệp quy mô lớn.

2.1.2.5. Phương pháp giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Các phương pháp giáo dục hướng nghiệp truyền thống, bao gồm thuyết trình, cung cấp thông tin, giới thiệu ngành nghề và tư vấn tập trung, vẫn giữ vai trò nhất định trong giáo dục hướng nghiệp ở bậc trung học phổ thông. Nhóm phương pháp hiện đại định hướng năng lực phản ánh rõ xu hướng đổi mới giáo dục Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, dạy học theo dự án gắn với hướng nghiệp được coi là một phương pháp đặc trưng và hiệu quả. Một phương pháp có tính tích hợp cao trong giáo dục hướng nghiệp hiện đại là sử dụng hồ sơ năng lực cá nhân (e-portfolio) như một công cụ phương pháp luận.

2.1.2.6. Chủ thể giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Trong nội bộ nhà trường, ban giám hiệu là chủ thể quản lý then chốt quyết định định hướng và chất lượng giáo dục hướng nghiệp. Đội ngũ giáo viên là lực lượng trực tiếp tham gia tổ chức và triển khai giáo dục hướng nghiệp cho học sinh. Bên cạnh giáo viên, cán bộ tư vấn hướng nghiệp và tâm lý học đường ngày càng được coi là chủ thể quan trọng trong giáo dục hướng nghiệp ở bậc trung học phổ thông.

2.1.2.7. Học sinh với hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường THPT

Các nghiên cứu quốc tế cho thấy rằng hiệu quả của giáo dục hướng nghiệp phụ thuộc lớn vào mức độ tham gia chủ động của học sinh trong quá trình này. Từ góc độ lý luận, học sinh trong giáo dục hướng nghiệp cần được tiếp cận như chủ thể phát triển năng lực, không chỉ là đối tượng được định hướng nghề nghiệp. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, vai trò của học sinh trong giáo dục hướng nghiệp được thể hiện trước hết ở khả năng tự nhận thức và khám phá bản thân.

2.1.2.8. Kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông

Từ góc độ nội dung, đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế cần tập trung vào các thành tố năng lực hướng nghiệp. Trong các công cụ đánh giá hiện đại, đánh giá dựa trên hồ sơ năng lực số (e-portfolio) được xem là công cụ có tính phù hợp cao với giáo dục hướng nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2.2. Nội dung quản lý giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh hội nhập quốc tế

2.2.1 Quản lý mục tiêu và kế hoạch giáo dục hướng nghiệp

Quản lý mục tiêu và kế hoạch giáo dục hướng nghiệp là nội dung quản lý mang tính định hướng, quyết định phương hướng phát triển và chất lượng của toàn bộ hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường.

Quản lý mục tiêu giáo dục hướng nghiệp đòi hỏi chủ thể quản lý phải làm rõ sự thống nhất giữa mục tiêu giáo dục phổ thông, mục tiêu giáo dục hướng nghiệp và mục tiêu phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập.

2.2.2 Quản lý nội dung, chương trình và hoạt động giáo dục hướng nghiệp

Quản lý nội dung, chương trình và hoạt động giáo dục hướng nghiệp là nội dung quản lý có vai trò bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và phù hợp của giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, quản lý nội dung giáo dục hướng nghiệp cần bảo đảm nội dung không chỉ phản ánh yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông, mà

còn cập nhật xu hướng nghề nghiệp mới, yêu cầu kỹ năng toàn cầu, chuyển đổi số và học tập suốt đời.

2.2.3 Quản lý hình thức, phương pháp và phương tiện giáo dục hướng nghiệp

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, quản lý giáo dục hướng nghiệp cần định hướng việc đa dạng hóa hình thức giáo dục hướng nghiệp, kết hợp giữa giáo dục trong nhà trường và giáo dục ngoài nhà trường, giữa không gian thực và không gian số.

2.2.4 Quản lý đội ngũ và các lực lượng tham gia giáo dục hướng nghiệp

Quản lý đội ngũ và các lực lượng tham gia giáo dục hướng nghiệp là nội dung quản lý có tính quyết định đến chất lượng và hiệu quả của giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường. Quản lý đội ngũ giáo dục hướng nghiệp đòi hỏi chủ thể quản lý phải chú trọng phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ, đặc biệt là năng lực tư vấn hướng nghiệp, năng lực sử dụng công nghệ và năng lực phối hợp đa chủ thể.

2.2.5 Quản lý hoạt động dạy của giáo viên, hoạt động học của học sinh và sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong giáo dục hướng nghiệp

Quản lý hoạt động dạy và học trong giáo dục hướng nghiệp phản ánh rõ bản chất của quản lý giáo dục, trong đó trọng tâm không chỉ là kiểm soát quá trình, mà là hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển năng lực của học sinh. Quản lý hoạt động học của học sinh trong giáo dục hướng nghiệp đòi hỏi chuyển từ kiểm soát sự tham gia sang hỗ trợ sự chủ động, tự học và tự định hướng nghề nghiệp của học sinh.

2.2.6 Quản lý công tác kiểm tra, đánh giá và cải tiến chất lượng giáo dục hướng nghiệp

Quản lý công tác kiểm tra, đánh giá và cải tiến chất lượng giáo dục hướng nghiệp là nội dung quản lý mang tính bảo đảm và phát triển chất lượng. Quản lý hoạt động đánh giá giáo dục hướng nghiệp bao gồm việc xác định tiêu chí, công cụ và quy trình đánh giá, bảo đảm tính khoa học, khách quan và minh bạch.

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Trong khuôn khổ luận án, các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý GDHN cho học sinh THPT trong bối cảnh hội nhập quốc tế được phân thành hai nhóm lớn: (1) nhóm yếu tố chủ quan và (2) nhóm yếu tố khách quan.

2.3.1. Nhóm các yếu tố chủ quan

(1) Nhận thức, phẩm chất và năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên (2) Cơ chế quản lý nội bộ và mức độ phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường (3) Động cơ, tinh thần trách nhiệm và sự đổi mới của đội ngũ trong thực hiện quản lý GDHN (4) Mức độ ứng dụng công nghệ và năng lực quản trị hiện đại của nhà trường

2.3.2. Nhóm các yếu tố khách quan

(1) Hệ thống chính sách và cơ chế pháp lý của Nhà nước, của ngành giáo dục đối với GDHN. (2) Sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội và doanh nghiệp. (3) Điều kiện kinh tế – xã hội, cơ sở vật chất và nguồn lực giáo dục. (4) Ảnh hưởng của cơ chế kinh tế thị trường, chuyển đổi số, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đối với định hướng nghề nghiệp và quản lý GDHN

2.4 Khung nghiên cứu

Khung đánh giá thực trạng quản lý giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông thành phố Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế được xây dựng nhằm đảm bảo việc phân tích thực trạng được thực hiện một cách hệ thống, toàn diện và có cơ sở khoa học. Kết quả đánh giá theo khung nghiên cứu là cơ sở để xác định một cách khách quan những kết quả đạt được, những hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân của các hạn chế trong công tác quản lý giáo dục hướng nghiệp ở các trường trung học phổ thông thành phố Hà Nội.

CHƯƠNG 3
THỰC TRẠNG GIẢI PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

3.1 Khái quát giáo dục THPT Thành phố Hà Nội và địa bàn khảo sát

3.1.1. Quy mô hệ thống giáo dục trung học phổ thông Thành phố Hà Nội

Thành phố Hà Nội là địa phương có quy mô hệ thống giáo dục trung học phổ thông lớn. Trong giai đoạn từ năm học 2021 đến năm học 2024, hệ thống giáo dục trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội ghi nhận sự gia tăng liên tục về số lượng cơ sở giáo dục, quy mô lớp học và tổng số học sinh.

Quy mô giáo dục trung học phổ thông Thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 đến 2024

Chỉ tiêu thống kê	Năm học 2021 đến 2022	Năm học 2022 đến 2023	Năm học 2023 đến 2024
Số trường trung học phổ thông	228	233	237
Tổng số học sinh	302.415	310.287	317.845
Tổng số lớp học	7.865	8.014	8.176
Tỷ lệ học sinh bình quân trên một lớp	38,45	38,72	38,87

[Nguồn: Số liệu thống kê giáo dục Thành phố Hà Nội]

Dữ liệu tại Bảng 3.1 cho thấy tổng số học sinh tăng khoảng 5,1 % trong chu kỳ ba năm, từ 302.415 học sinh lên 317.845 học sinh. Trong cùng giai đoạn, số lượng trường học tăng 3,9 %, từ 228 trường lên 237 trường. Tốc độ gia tăng học sinh cao hơn tốc độ mở rộng cơ sở vật chất dẫn đến tỷ lệ sĩ số học sinh bình quân trên một lớp duy trì ở mức cao, đạt 38,87 học sinh trên một lớp vào năm học 2023 đến 2024.

3.1.2. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý

Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên là lực lượng trực tiếp thực hiện các chức năng quản lý và tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại cơ sở. Dữ liệu thống kê giai đoạn 2021 đến 2024 cho thấy sự gia tăng về số lượng và sự cải thiện về trình độ đào tạo của đội ngũ nhà giáo tại Thành phố Hà Nội.

3.1.3. Điều kiện cơ sở vật chất và môi trường giáo dục

Cơ sở vật chất, trang thiết bị và môi trường giáo dục là hệ thống điều kiện vật chất bảo đảm cho việc triển khai các chức năng quản lý và tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp. Mức độ đáp ứng của hệ thống cơ sở vật chất chuyên dụng và nền tảng dữ liệu số cho giáo dục hướng nghiệp còn hạn chế so với tỷ lệ đạt chuẩn quốc gia chung,.

3.1.4. Thực trạng phân luồng học sinh sau trung học phổ thông

Cơ cấu phân luồng học sinh sau trung học phổ thông là một trong những chỉ báo đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giáo dục hướng nghiệp của hệ thống. Cấu trúc phân luồng này phản ánh xu hướng ưu tiên giáo dục đại học của học sinh và gia đình. Tỷ lệ học sinh tham gia giáo dục nghề nghiệp có tăng nhưng biên độ tăng còn thấp.

3.1.5. Địa bàn và mẫu khảo sát

Quá trình khảo sát thực trạng được thực hiện từ tháng 2 năm 2024 đến tháng 12 năm 2024. Mẫu khảo sát được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu phân tầng có chủ đích, bảo đảm tính đại diện theo vị trí địa lý, loại hình trường học và mức độ triển khai hoạt động giáo dục hướng nghiệp.

Nghiên cứu tiến hành khảo sát tại 10 cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hà Nội, bao gồm: Trường trung học phổ thông Quốc Oai, Trường trung học phổ thông Tây Hồ, Trường trung học phổ thông Lương Thế Vinh Ba Vì, Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Everest, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên Ba Vì, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên Quốc Oai, Trường trung học phổ thông Phan Đình Phùng, Trường trung học phổ thông Đoàn Kết, Trường trung học phổ thông Cao Bá Quát, và Trường trung học phổ thông Mê Linh.

3.2. Tổ chức khảo sát thực trạng

3.2.1. Mục tiêu và nội dung khảo sát

Mục tiêu của việc tổ chức khảo sát thực trạng là thu thập hệ thống dữ liệu thực tiễn khách quan, toàn diện và có độ tin cậy khoa học cao về quá trình vận hành công tác giáo dục hướng nghiệp tại các trường trung học phổ thông.

Nội dung khảo sát được thiết kế bám sát khung lý luận đã xác lập tại Chương 2, tập trung vào hai mảng vấn đề phân lập nhưng có mối quan hệ hữu cơ

3.2.2. Khách thể và phạm vi khảo sát

Khách thể khảo sát được phân định thành ba nhóm độc lập, tương ứng với vị trí và vai trò của họ trong hệ thống giáo dục hướng nghiệp.Nhóm khách thể thứ nhất là cán bộ quản lý giáo dục, bao gồm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn. Nhóm khách thể thứ hai là đội ngũ giáo viên, bao gồm giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn kiêm nhiệm công tác hướng nghiệp. Nhóm khách thể thứ ba là học sinh trung học phổ thông.

3.2.3. Phương pháp, công cụ và quy trình khảo sát

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chủ đạo để thu thập dữ liệu định lượng. Công cụ đo lường là hệ thống các bảng hỏi được thiết kế chuyên biệt, cá nhân hóa cho từng nhóm khách thể. Phương pháp phỏng vấn sâu được sử dụng để thu thập dữ liệu định tính, phục vụ việc giải thích và làm rõ bản chất của các hiện tượng giáo dục mà dữ liệu định lượng chưa thể phản ánh trọn vẹn.

Phương pháp nghiên cứu tài liệu được áp dụng để rà soát các văn bản quản lý nội bộ của nhà trường.

3.2.4. Thời gian, quy mô mẫu và cách tính điểm

Thời gian tổ chức khảo sát thực tiễn được tiến hành liên tục từ tháng 2 năm 2024 đến tháng 12 năm 2024, bảo đảm thu thập dữ liệu xuyên suốt các giai đoạn bản lề của một năm học, từ khâu lập kế hoạch đầu năm đến khâu tổng kết phân luồng cuối khóa. Về quy mô mẫu, nghiên cứu áp dụng phương pháp chọn mẫu phân tầng có chủ đích. Tổng số phiếu khảo sát phát ra là 814 phiếu. Sau quá trình rà soát, loại bỏ các phiếu khuyết thiếu thông tin hoặc vi phạm quy tắc trả lời, số lượng phiếu hợp lệ đưa vào phân tích chính thức là 731 phiếu. Cơ cấu mẫu được phân bổ cụ thể theo các nhóm khách thể nhằm bảo đảm tính đại diện thống kê.

3.2.5. Kiểm định độ tin cậy và giá trị của thang đo

Trước khi tiến hành các phép phân tích thống kê mô tả và thống kê suy luận để đánh giá thực trạng quản lý giáo dục hướng nghiệp, toàn bộ dữ liệu định lượng thu thập từ 731 khách thể bắt buộc phải trải qua quá trình kiểm định nghiêm ngặt về độ tin cậy và tính giá trị cấu trúc.

Thứ nhất, nghiên cứu tiến hành kiểm định độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach Alpha. Hệ số này đo lường tính nhất quán nội tại của các biến quan sát cấu thành nên một nhân tố. Theo tiêu chuẩn thống kê khoa học, một thang đo được đánh giá là có độ tin cậy tốt khi hệ số Cronbach Alpha đạt giá trị lớn hơn hoặc bằng 0,70 và các hệ số tương quan biến tổng của từng biến quan sát phải lớn hơn 0,30.

Thứ hai, nghiên cứu tiến hành kiểm định tính giá trị cấu trúc của thang đo thông qua phân tích nhân tố khám phá. Phương pháp này có chức năng thu gọn và tóm tắt tập hợp nhiều biến quan sát thành một số ít các nhân tố đại diện, bảo đảm các biến đo lường cùng một khái niệm sẽ hội tụ về cùng một nhân tố.

3.3. Thực trạng quản lý giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông Thành phố Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế

3.3.1. Thực trạng quản lý mục tiêu và kế hoạch giáo dục hướng nghiệp

Quản lý mục tiêu và kế hoạch giáo dục hướng nghiệp là thành tố nền tảng, đóng vai trò kiến tạo hệ quy chiếu cho toàn bộ chu trình vận hành hoạt động định hướng nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục trung học phổ thông.

3.3.2. Thực trạng quản lý nội dung và chương trình giáo dục hướng nghiệp

Quản lý nội dung và chương trình giáo dục hướng nghiệp là một trong những thành tố hạt nhân của hệ thống quản lý giáo dục tại các trường trung học phổ thông. Nếu mục tiêu xác định phương hướng phát triển, thì nội dung và chương trình chính là vật liệu kiến tạo nên năng lực thực tiễn cho người học.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và sự bùng nổ của nền kinh tế số, nội dung giáo dục hướng nghiệp phải đối diện với áp lực chuyển đổi to lớn.

Nhằm đo lường mức độ đồng thuận giữa các lực lượng trực tiếp thiết lập và thực thi chương trình, nghiên cứu tiến hành kiểm định so sánh giá trị trung bình hai mẫu độc lập bằng thuật toán thống kê suy luận.

3.3.3. Thực trạng quản lý hình thức, phương pháp và phương tiện giáo dục hướng nghiệp

Quản lý hình thức, phương pháp và phương tiện giáo dục hướng nghiệp là một trong những thành tố trọng yếu, quyết định trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của quá trình định hướng tương lai cho học sinh trung học phổ thông. Tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc đo lường trong nghiên cứu định lượng về năng lực quản lý vĩ mô, đối tượng học sinh là người thụ hưởng kết quả giáo dục, không tham gia vào các khâu hoạch định chiến lược hay quyết định phân bổ nguồn lực của nhà trường.

Thứ nhất, về thực trạng quản lý hình thức tổ chức giáo dục hướng nghiệp

Hình thức tổ chức là không gian vật lý và không gian tương tác, nơi các hoạt động giáo dục hướng nghiệp diễn ra. Đối với địa bàn có sự đa dạng sinh thái nghề nghiệp cao như Thành phố Hà Nội, hình thức tổ chức đòi hỏi sự kết nối chặt chẽ giữa không gian trường học và không gian doanh nghiệp.

Thứ hai, về thực trạng quản lý phương pháp và phương tiện giáo dục hướng nghiệp

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, nếu nội dung hướng nghiệp trả lời câu hỏi giảng dạy cái gì, thì phương pháp và phương tiện giải quyết bài toán giảng dạy như thế nào và bằng công cụ gì.

3.3.4. Thực trạng quản lý đội ngũ và các lực lượng tham gia giáo dục hướng nghiệp

Trong hệ thống các thành tố cấu trúc nên quá trình giáo dục hướng nghiệp, đội ngũ và các lực lượng tham gia giữ vai trò là chủ thể trực tiếp tổ chức, vận hành và hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược đã đề ra. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự chuyển dịch mạnh mẽ của kỷ nguyên kinh tế số, yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ làm công tác định hướng tương lai ngày càng khắt khe.

3.3.5. Thực trạng quản lý hoạt động dạy học, hoạt động học và sự phối hợp các lực lượng

Quản lý hoạt động dạy học, hoạt động học và sự phối hợp các lực lượng là tổ hợp các thành tố hạt nhân, phản ánh trực tiếp sự chuyển hóa từ mục tiêu, kế hoạch trên văn bản thành các giá trị năng lực thực tiễn của người học.

Để phân tích chuyên sâu, nội dung được cấu trúc thành ba mảng thực trạng độc lập nhưng có mối liên hệ hữu cơ: quản lý hoạt động dạy học, quản lý hoạt động học tập và quản lý sự phối hợp các lực lượng.

Thứ nhất, về thực trạng quản lý hoạt động dạy học giáo dục hướng nghiệp

Quản lý hoạt động dạy học bao gồm các khâu kiểm soát công tác chuẩn bị bài giảng, tổ chức thực thi trên lớp và đánh giá hiệu quả giờ dạy của giáo viên. Mục tiêu của công tác này là bảo đảm các giờ học hướng nghiệp không bị biến thành các giờ sinh hoạt hành chính hoặc cung cấp thông tin tuyển sinh thuần túy.

Thứ hai, về thực trạng quản lý hoạt động học tập hướng nghiệp của học sinh

Quản lý hoạt động học tập là quá trình kiến tạo môi trường, không gian và cơ hội để người học chủ động khám phá năng lực bản thân. Tại một đô thị có hệ sinh thái kinh tế

đa dạng như Hà Nội, không gian học tập hướng nghiệp lý tưởng phải được mở rộng tối đa ra ngoài phạm vi lớp học.

Thứ ba, về thực trạng quản lý sự phối hợp các lực lượng trong giáo dục hướng nghiệp

Để giải quyết bài toán không gian học tập mở, quản lý sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng doanh nghiệp là nhân tố quyết định.

Kiểm định sự khác biệt về nhận thức và năng lực quản lý

Để bảo đảm tính khách quan khoa học, nghiên cứu sử dụng thuật toán thống kê suy luận nhằm đo lường mức độ đồng thuận giữa các nhóm khách thể và kiểm chứng tác động của cơ chế tự chủ đối với công tác quản lý.Bên cạnh yếu tố chủ thể, biến số về sinh thái tổ chức cũng được đưa vào kiểm định. Khái quát lại, thực trạng quản lý hoạt động dạy học, hoạt động học và sự phối hợp các lực lượng tại các trường trung học phổ thông Thành phố Hà Nội đang bộc lộ điểm nghẽn mang tính mô hình.

3.3.6. Thực trạng quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp

Quản lý công tác kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp đóng vai trò là khâu then chốt nhằm khép kín chu trình quản trị nhà trường. Chức năng này không chỉ đo lường mức độ hoàn thành các chỉ tiêu giáo dục đã đề ra mà còn cung cấp hệ thống dữ liệu phản hồi quan trọng để ban giám hiệu liên tục điều chỉnh mục tiêu, cập nhật nội dung và cải tiến phương pháp.

3.4. Đánh giá chung về thực trạng quản lý giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông Thành phố Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế

3.4.1. Những mặt đạt được và nguyên nhân

3.4.1.1. Về những mặt đạt được

Thứ nhất, công tác quản lý mục tiêu và kế hoạch giáo dục hướng nghiệp đã được thể chế hóa đồng bộ vào hệ thống kế hoạch giáo dục thường niên của các nhà trường. Thứ hai nội dung giáo dục hướng nghiệp đã bước đầu có sự chú trọng đến việc tích hợp các giá trị nền tảng. Thứ ba, công tác tổ chức hình thức và điều phối lực lượng nội bộ được vận hành tương đối nhịp nhàng. Thứ tư, công tác kiểm tra đánh giá đã được xác lập như một khâu bắt buộc trong quá trình quản lý chuyên môn.

3.4.1.2. Về nguyên nhân của những mặt đạt được

Nguyên nhân khách quan mang tính quyết định bắt nguồn từ sự chỉ đạo quyết liệt và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ từ Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hà Nội. Nguyên nhân chủ quan xuất phát từ nền tảng năng lực chuyên môn và ý thức kỷ luật của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tại Thủ đô.

3.4.2. Những mặt hạn chế và nguyên nhân

3.4.2.1. Về những mặt hạn chế

Hạn chế thứ nhất nằm ở sự thiếu hụt tầm nhìn chiến lược trong quản lý mục tiêu và nội dung. Hạn chế thứ hai bộc lộ qua sự xơ cứng trong quản lý phương pháp giảng dạy và phương tiện hỗ trợ. Hạn chế thứ ba là sự khép kín trong cơ chế quản lý nhân sự và

huy động nguồn lực xã hội hóa. Hạn chế thứ tư nằm ở sự đứt gãy của chu trình kiểm tra, đánh giá.

3.4.2.2. Về nguyên nhân của những hạn chế

Dưới góc độ khách quan, các rào cản về cơ chế tài chính và khung pháp lý đang trói buộc năng lực sáng tạo của các nhà quản lý, đặc biệt là tại khối trường công lập. Kết quả kiểm định thống kê độc lập xuyên suốt các nội dung phân tích luôn chỉ ra sự vượt trội của khối trường ngoài công lập so với khối công lập.

Dưới góc độ chủ quan, tư duy quản trị của một bộ phận cán bộ lãnh đạo vẫn chưa bắt nhịp được với triết lý giáo dục hiện đại. Bên cạnh đó, sự thiếu hụt năng lực chuyên môn đặc thù của đội ngũ giáo viên là một nguyên nhân cốt lõi.

Từ phía các lực lượng xã hội, sự phối hợp của cộng đồng doanh nghiệp và gia đình chưa thực sự hiệu quả.

3.5. Những vấn đề đặt ra từ thực trạng quản lý giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông Thành phố Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Từ việc đánh giá và phân tích nguyên nhân về thực trạng GDHN và quản lý GDHN cho HS Thành phố Hà Nội đặt ra những vấn đề cần giải quyết. Đổi mới công tác quản lý GDHN phải thực hiện đổi mới quản lý đồng bộ từ quản lý nội dung, hình thức, PP và kiểm tra đánh giá GDHN.

Đổi mới mạnh mẽ PP GDHN theo hướng phát huy năng lực người học, phù hợp với đối tượng GDHN là học sinh THPT và chú trọng đến tính đặc thù về đối tượng GDHN cho HS ở các khu vực khác nhau như quận nội thành, khu vực có khu công nghiệp, khu vực nông thôn đang xây dựng nông nghiệp công nghệ cao.

Cải thiện và nâng cao mức độ đáp ứng của các nguồn lực, từ con người đến CSVC, thiết bị DH và hạ tầng ICT, đổi mới cơ chế và cải thiện các chính sách về GDHN nhằm hoàn thiện các chế tài về GDHN, hỗ trợ kịp thời về vật chất và tinh thần cho những HS ở vùng ngoại thành Hà Nội để họ có điều kiện và cơ hội học tập tốt hơn. Đẩy mạnh ứng dụng ICT trong GDHN, xây dựng môi trường ICT trong nhà trường, tạo điều kiện cho HS, đặc biệt là những HS vùng nông thôn và khu vực ngoại thành khó khăn có thể GDHN trực tuyến thông qua các trang mạng chuyên môn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT và các trang mạng trong nước và quốc tế khác. Nâng cao phẩm chất năng lực của ĐNCBQL để đáp ứng yêu cầu đổi mới quản lý giáo dục nói chung và quản lý GDHN nói riêng.

Có thể nhấn mạnh một số vấn đề trọng tâm sau đây cần có giải pháp quản lý để khắc phục: Thứ nhất là, kế hoạch hóa hoạt động GDHN cho học sinh ở các trường THPT Thành phố Hà Nội trên cơ sở khảo sát nhu cầu hướng nghiệp với qui trình xây dựng kế hoạch phù hợp. Thứ hai là, xây dựng mô hình tổ chức GDHN cho học sinh ở các trường THPT Thành phố Hà Nội phù hợp với yêu cầu trong bối cảnh hội nhập quốc tế; nhất là ở các khu vực có đầu tư nước ngoài nhiều khu công nghiệp công nghệ cao. Thứ ba, tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực và nhận thức cho giáo viên, nhân viên ở các trường trung học phổ thông Thành phố Hà Nội và các bên liên quan về GDHN cho học sinh. Thứ tư, chỉ đạo đổi mới kiểm tra đánh giá chất lượng GDHN và quản lý giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THPT theo hướng chuẩn hoá.

CHƯƠNG 4
CÁC GIẢI PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

4.1. Các nguyên tắc đề xuất giải pháp quản lý GDHN cho học sinh Trung học tại TP Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế

4.1.1. Nguyên tắc bảo đảm tính hệ thống và đồng bộ

Các giải pháp quản lý giáo dục hướng nghiệp phải được đề xuất trên cơ sở tiếp cận hệ thống, coi giáo dục hướng nghiệp là một bộ phận hữu cơ trong tổng thể hoạt động quản lý nhà trường trung học phổ thông.

4.1.2. Nguyên tắc bảo đảm tính thực tiễn và khả thi

Các giải pháp quản lý giáo dục hướng nghiệp phải xuất phát từ thực tiễn hoạt động của các trường trung học phổ thông thành phố Hà Nội và điều kiện cụ thể của từng loại hình, từng khu vực trường học.

4.1.3. Nguyên tắc bảo đảm tính hiệu quả và định hướng kết quả

Các giải pháp quản lý giáo dục hướng nghiệp cần hướng tới nâng cao hiệu quả thực chất của hoạt động hướng nghiệp, thể hiện ở sự cải thiện rõ rệt về chất lượng quản lý và kết quả định hướng nghề nghiệp của học sinh.

4.1.4. Nguyên tắc bảo đảm tính kế thừa và phát triển

Các giải pháp quản lý giáo dục hướng nghiệp phải kế thừa những kết quả đã đạt được trong thực tiễn quản lý giáo dục của thành phố Hà Nội, đồng thời hướng tới đổi mới và phát triển phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế.

4.1.5. Nguyên tắc bảo đảm sự tham gia và phối hợp của các lực lượng

Các giải pháp quản lý giáo dục hướng nghiệp cần được xây dựng trên cơ sở huy động sự tham gia và phối hợp của nhiều lực lượng, trong đó nhà trường giữ vai trò trung tâm điều phối.

4.2. Các giải pháp quản lý GDHN cho học sinh Trung học tại TP Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế

4.2.1. Giải pháp 1: Quản lý mục tiêu và kế hoạch giáo dục hướng nghiệp dựa trên nền tảng dữ liệu dự báo thị trường lao động

4.2.1.1. Mục tiêu của giải pháp

Giải pháp này nhằm thiết lập một cơ chế quản trị chiến lược hiện đại, chuyển đổi căn bản phương thức hoạch định mục tiêu và xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp tại các trường trung học phổ thông từ trạng thái tuân thủ hành chính, dựa trên kinh nghiệm chủ quan sang trạng thái quản trị dựa trên nền tảng dữ liệu dự báo thị trường lao động.

4.2.1.2. Nội dung của giải pháp

Trụ cột thứ nhất là thể chế hóa công tác thu thập và quản lý dữ liệu thị trường lao động phục vụ việc hoạch định mục tiêu. Trụ cột thứ hai là tái cấu trúc hệ thống mục tiêu giáo dục hướng nghiệp theo hướng chuẩn hóa năng lực đầu ra dựa trên dữ liệu. Trụ cột thứ ba là thiết kế bản kế hoạch giáo dục hướng nghiệp mang tính động và linh hoạt.

4.2.1.3. Cách thức thực hiện giải pháp

Để chuyển hóa nội dung giải pháp vào thực tiễn quản lý, quy trình thực hiện cần được vận hành một cách bài bản, khoa học thông qua các bước thao tác cụ thể, quy định rõ trách nhiệm của hệ thống lãnh đạo và các tổ chức liên quan bên trong nhà trường.

4.2.1.4. Điều kiện thực hiện giải pháp

Điều kiện thứ nhất thuộc về sự thay đổi triệt để trong tư duy quản trị của đội ngũ cán bộ quản lý cấp cơ sở. Hiệu trưởng và ban giám hiệu phải thực sự thấu hiểu triết lý quản trị dựa trên dữ liệu, sẵn sàng từ bỏ thói quen sao chép kế hoạch từ năm này qua năm khác. Điều kiện thứ hai là cơ chế tự chủ và hành lang pháp lý thông thoáng cho các trường trung học phổ thông.

Điều kiện thứ ba là sự hỗ trợ mang tính hệ thống từ các cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp.

4.2.2. Giải pháp 2: Phát triển nội dung và chương trình giáo dục hướng nghiệp theo yêu cầu hình thành năng lực định hướng nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế

4.2.1.1. Mục tiêu của giải pháp

Mục tiêu cốt lõi của giải pháp là khắc phục triệt để tình trạng xơ cứng, chậm cập nhật và thiếu tính quốc tế hóa trong chương trình hướng nghiệp hiện hành.

4.2.1.2. Nội dung của giải pháp

Trụ cột thứ nhất là quản lý việc chuyển dịch trọng tâm nội dung từ định hướng ngành học sang định hướng năng lực sinh tồn nghề nghiệp. Trụ cột thứ hai là quản lý sự tích hợp hữu cơ nội dung hướng nghiệp vào các môn học văn hóa và các dự án khoa học kỹ thuật. Trụ cột thứ ba là quản lý công tác số hóa và phát triển hệ thống học liệu hướng nghiệp mở. Trụ cột thứ tư là thiết lập cơ chế đồng kiến tạo nội dung chương trình với các đối tác doanh nghiệp. Nội dung giáo dục hướng nghiệp chỉ thực sự có giá trị khi nó phản ánh đúng hơi thở của thị trường.

4.2.1.3. Cách thức thực hiện giải pháp

Bước thứ nhất là thành lập hội đồng phát triển chương trình giáo dục hướng nghiệp cấp cơ sở. Bước thứ hai là thiết kế ma trận nội dung và biên soạn tài liệu giảng dạy. Dựa trên những kết luận của hội đồng thẩm định, tổ chuyên môn tiến hành thiết kế ma trận phân bổ nội dung chi tiết cho từng khối lớp. Bước thứ ba là tổ chức hội thảo chuyên môn và tập huấn chuyển giao nội dung cho đội ngũ giáo viên. Bước thứ tư là giám sát quá trình giảng dạy và kiểm duyệt hồ sơ chuyên môn. Bước thứ năm là thu thập phản hồi và chu kỳ cập nhật chương trình.

4.2.1.4. Điều kiện thực hiện giải pháp

Điều kiện thứ nhất thuộc về cơ chế tự chủ chuyên môn của các nhà trường. Các cơ quan quản lý nhà nước như Sở Giáo dục và Đào tạo cần trao quyền tự chủ mạnh mẽ hơn cho các trường trung học phổ thông trong việc thiết kế và điều chỉnh chương trình giáo dục địa phương. Điều kiện thứ hai là sự sẵn sàng và tinh thần cầu thị của đội ngũ giáo viên. Điều kiện thứ ba là nguồn lực tài chính và hạ tầng công nghệ thông tin.

4.2.3. Giải pháp 3: Quản lý đổi mới hình thức, phương pháp và hiện đại hóa phương tiện giáo dục hướng nghiệp

4.2.3.1. Mục tiêu của giải pháp

Mục tiêu cốt lõi của giải pháp là khắc phục triệt để tình trạng các giờ học định hướng tương lai bị biến thành những buổi sinh hoạt lý thuyết khô khan, nơi học sinh chỉ đóng vai trò người nghe.

4.2.3.2. Nội dung của giải pháp

Trụ cột thứ nhất là quản lý đa dạng hóa hình thức tổ chức giáo dục hướng nghiệp theo hướng mở và tăng cường tính trải nghiệm. Trụ cột thứ hai là quản lý chuyển đổi phương pháp dạy học theo định hướng kiến tạo năng lực. Trụ cột thứ ba là quản lý hiện đại hóa phương tiện và thiết lập hạ tầng kỹ thuật số cho giáo dục hướng nghiệp.

4.2.3.3. Cách thức thực hiện giải pháp

Bước thứ nhất là khảo sát năng lực sư phạm, rà soát hạ tầng và lập quy hoạch đổi mới. Bước thứ hai là đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ và trang bị công cụ đo lường chuyên dụng. Bước thứ ba là tổ chức tập huấn kỹ thuật sư phạm chuyên sâu cho đội ngũ giáo viên. Bước thứ tư là triển khai đồng bộ các hình thức giáo dục mở và cá thể hóa. Bước thứ năm là giám sát thực thi, đánh giá hiệu quả và điều chỉnh kỹ thuật.

4.2.3.4. Điều kiện thực hiện giải pháp

Điều kiện thứ nhất thuộc về năng lực tự chủ tài chính và quy chế mua sắm linh hoạt của cơ sở giáo dục. Điều kiện thứ hai là sự sẵn sàng và bản lĩnh đổi mới của đội ngũ lực lượng sư phạm. Điều kiện thứ ba là hành lang pháp lý thông thoáng và cơ chế bảo đảm an toàn cho các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường.

4.2.4. Giải pháp 4: Xây dựng cơ chế phát triển năng lực đội ngũ và bảo đảm nguồn lực cho giáo dục hướng nghiệp

4.2.4.1. Mục tiêu của giải pháp

Mục tiêu cốt lõi của giải pháp là giải quyết triệt để điểm nghẽn mang tính hệ thống về sự quá tải của giáo viên chủ nhiệm, sự thiếu hụt chuyên gia tư vấn tâm lý học đường và sự nghèo nàn của hạ tầng cơ sở vật chất phục vụ định hướng nghề nghiệp.

4.2.4.2. Nội dung của giải pháp

Trụ cột thứ nhất là quản lý việc quy hoạch và chuyên trách hóa đội ngũ làm công tác giáo dục hướng nghiệp.

Trụ cột thứ hai là quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực hội nhập cho đội ngũ cán bộ, giáo viên toàn trường. Trụ cột thứ ba là quản lý việc nâng cấp hạ tầng cơ sở vật chất và thiết chế không gian hướng nghiệp. Trụ cột thứ tư là quản lý cơ chế tài chính và các chính sách tạo động lực cho đội ngũ.

4.2.4.3. Cách thức thực hiện giải pháp

Bước thứ nhất là rà soát năng lực đội ngũ, kiểm kê điều kiện vật chất và lập đề án phát triển. Bước thứ hai là ban hành quyết định thành lập lực lượng chuyên trách và ban hành quy chế chi tiêu. Bước thứ ba là tổ chức các chương trình huấn luyện chuyên sâu và chuyển giao công nghệ cho đội ngũ. Bước thứ tư là thiết lập không gian vật lý và kích hoạt hệ thống tài nguyên hướng nghiệp số. Bước thứ năm là kiểm tra, giám sát chất lượng đội ngũ và đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực.

4.2.4.4. Điều kiện thực hiện giải pháp

Điều kiện thứ nhất thuộc về hệ thống chính sách và khung pháp lý vĩ mô từ các cơ quan quản lý nhà nước. Điều kiện thứ hai là mức độ tự chủ tài chính và khả năng huy

động nguồn lực xã hội hóa của cơ sở giáo dục. Điều kiện thứ ba là tư duy đột phá và bản lĩnh dám nghĩ dám làm của người đứng đầu cơ sở giáo dục.

4.2.5. Giải pháp 5: Thiết lập cơ chế phối hợp đa lực lượng, trọng tâm là liên kết chiến lược giữa nhà trường và doanh nghiệp

4.2.5.1. Mục tiêu của giải pháp

Mục tiêu trọng tâm của giải pháp là khắc phục triệt để điểm nghẽn về sự lỏng lẻo trong công tác huy động nguồn lực xã hội hóa và sự thiếu hụt môi trường trải nghiệm thực tiễn cho học sinh.

4.2.5.2. Nội Nội dung của giải pháp

Trụ cột thứ nhất là quản lý việc thiết lập và vận hành mối quan hệ đối tác chiến lược dài hạn với cộng đồng doanh nghiệp. Trụ cột thứ hai là quản lý sự phối hợp đồng bộ và thực chất với cha mẹ học sinh. Trụ cột thứ ba là quản lý việc khai thác mạng lưới cựu học sinh và các chuyên gia tư vấn độc lập. Trụ cột thứ tư là thiết lập bộ phận chuyên trách về quan hệ đối ngoại và hướng nghiệp tại nhà trường.

4.2.5.3. Cách thức thực hiện giải pháp

Bước thứ nhất là khảo sát, lập bản đồ nguồn lực và phân tích đối tác tiềm năng. Bước thứ hai là tổ chức hội nghị đối tác và tiến hành ký kết các văn bản hợp tác chính thức. Bước thứ ba là lập kế hoạch thực thi chi tiết và phân luồng trách nhiệm tổ chức. Bước thứ tư là tổ chức thu thập phản hồi, nghiệm thu và đánh giá hiệu quả phối hợp.

4.2.5.4. Điều kiện thực hiện giải pháp

Điều kiện thứ nhất thuộc về sự thay đổi đột phá trong tư duy và năng lực ngoại giao của người đứng đầu cơ sở giáo dục. Điều kiện thứ hai là hành lang pháp lý thông thoáng và cơ chế tự chủ toàn diện cho các nhà trường. Điều kiện thứ ba là sự trỗi dậy của trách nhiệm xã hội từ phía cộng đồng doanh nghiệp.

4.2.6. Giải pháp 6: Đổi mới quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp theo mức độ phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp

4.2.6.1. Mục tiêu của giải pháp

Mục tiêu cốt lõi của giải pháp là khắc phục triệt để lỗ hổng trong chu trình quản lý hiện hành, nơi việc đánh giá chủ yếu mang tính hình thức, khép kín trong nội bộ nhà trường và thiếu vắng sự tham gia của các đối tác doanh nghiệp.

4.2.6.2. Nội dung của giải pháp

Trụ cột thứ nhất là quản lý việc thiết lập và ban hành bộ tiêu chí đánh giá năng lực hướng nghiệp chuẩn hóa. Trụ cột thứ hai là quản lý sự chuyển dịch phương pháp và công cụ đánh giá theo hướng đa chiều và số hóa. Trụ cột thứ ba là quản lý việc mở rộng và phân quyền cho hệ sinh thái đa chủ thể tham gia đánh giá. Trụ cột thứ tư là quản lý việc sử dụng dữ liệu đánh giá để cải tiến liên tục hệ thống giáo dục hướng nghiệp.

4.2.6.3. Cách thức thực hiện giải pháp

Bước thứ nhất là thành lập hội đồng chuyên môn và xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra. Bước thứ hai là tập huấn kỹ thuật đo lường và thiết lập hạ tầng hồ sơ số. Bước thứ ba là tổ chức triển khai đánh giá đa chiều trong suốt năm học. Bước thứ tư là nghiệm thu dữ liệu, phân tích kết quả và ban hành quyết định điều chỉnh.

4.2.6.4. Điều kiện thực hiện giải pháp

Điều kiện thứ nhất thuộc về hành lang pháp lý và cơ chế tự chủ đo lường từ các cơ quan quản lý nhà nước. Điều kiện thứ hai là sự đầu tư bài bản về hạ tầng công nghệ thông tin và nền tảng dữ liệu lớn. Điều kiện thứ ba là năng lực chuyên môn và sự thay đổi tư duy của đội ngũ lực lượng sư phạm.

4.3. Mối liên hệ giữa các giải pháp

Giải pháp thứ nhất về quản lý mục tiêu và kế hoạch giáo dục hướng nghiệp dựa trên nền tảng dữ liệu dự báo thị trường lao động giữ vai trò là kim chỉ nam, thiết lập hệ quy chiếu chiến lược cho toàn bộ hệ thống. Giải pháp thứ hai về quản lý phát triển nội dung và chương trình giáo dục hướng nghiệp đáp ứng chuẩn năng lực hội nhập quốc tế đóng vai trò là vật liệu kiến tạo. Giải pháp thứ ba về quản lý đổi mới hình thức, phương pháp và hiện đại hóa phương tiện giáo dục hướng nghiệp đóng vai trò là động cơ vận hành, chuyển hóa nội dung tĩnh thành năng lực động. Ba giải pháp đầu tiên cấu thành nên trục chuyên môn của quá trình quản lý. Giải pháp thứ năm về quản lý cơ chế phối hợp đa lực lượng, trọng tâm là liên kết chiến lược giữa nhà trường và doanh nghiệp, giữ vai trò mở rộng hệ sinh thái và bảo chứng thực tiễn. Cuối cùng, giải pháp thứ sáu về quản lý đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả theo chuẩn đầu ra năng lực đóng vai trò là bộ lọc kiểm soát chất lượng và khép kín chu trình quản trị.

4.4. Khảo nghiệm tính cấp thiết và tính khả thi của các giải pháp

Nhằm bảo đảm các giải pháp đề xuất không dừng lại ở mức độ lý luận tư biện mà phải thực sự bám rễ vào thực tiễn quản lý, nghiên cứu đã tổ chức hoạt động khảo nghiệm khoa học.

4.4.1. Mục đích và đối tượng khảo nghiệm

4.4.1.1. Mục đích khảo nghiệm

Mục đích cốt lõi của quá trình khảo nghiệm là thu thập các dữ liệu đánh giá độc lập, khách quan từ những cá nhân có chuyên môn sâu nhằm xác định hai thuộc tính nền tảng của hệ thống giải pháp: tính cấp thiết và tính khả thi.

4.4.1.2. Đối tượng khảo nghiệm

Nhóm thứ nhất bao gồm 15 cán bộ quản lý giáo dục. Nhóm thứ hai bao gồm 15 chuyên gia định hướng nghề nghiệp và đại diện doanh nghiệp. Nhóm thứ ba bao gồm 25 giáo viên cốt cán trực tiếp giảng dạy. Với quy mô 55 khách thể được chọn lọc khắt khe dựa trên trình độ chuyên môn, vị trí công tác và sự am hiểu sâu sắc về hệ sinh thái giáo dục hướng nghiệp, mẫu khảo nghiệm hoàn toàn đáp ứng các tiêu chuẩn về độ tin cậy khoa học đối với phương pháp xin ý kiến chuyên gia trong khuôn khổ một luận án tiến sĩ.

4.4.2. Nội dung và phương pháp khảo nghiệm

4.4.2.1. Nội dung khảo nghiệm

Nội dung khảo nghiệm bao trùm toàn bộ hệ thống sáu giải pháp đã được đề xuất tại mục 4.2. Để các chuyên gia có thể đánh giá một cách chi tiết và tránh tình trạng nhận định chung chung, mỗi giải pháp được cụ thể hóa thành ba biện pháp thực thi trọng tâm. Các chuyên gia sẽ tiến hành chấm điểm độc lập cho từng biện pháp thực thi này trên cả hai phương diện: mức độ cấp thiết đối với thực trạng hiện nay và mức độ khả thi khi áp dụng vào điều kiện thực tiễn của Thành phố Hà Nội.

4.4.2.2. Phương pháp khảo nghiệm

Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi định lượng được thiết kế chuyên biệt. Công cụ đo lường sử dụng thang đo Likert năm bậc để lượng hóa ý kiến chuyên gia.

4.4.3. Kết quả khảo nghiệm tính cấp thiết và tính khả thi

Căn cứ vào dữ liệu thu thập từ 55 chuyên gia và cán bộ quản lý, kết quả khảo nghiệm được tổng hợp và trình bày chi tiết thông qua các bảng thống kê mô tả. Tuy nhiên, tính cấp thiết là một phương diện, khả năng hiện thực hóa các chủ trương này lại phụ thuộc vào những điều kiện cấu thành khắc nghiệt của thực tiễn. Điều này được thể hiện rõ qua kết quả đánh giá tính khả thi.

4.5. Thử nghiệm

4.5.1. Mục đích thử nghiệm

Mục đích cốt lõi của hoạt động thử nghiệm là đo lường và khẳng định mức độ cấp thiết, tính khả thi cũng như tính hiệu quả của các giải pháp quản lý đã được đề xuất, qua đó chứng minh giả thuyết khoa học đã đặt ra ở phần mở đầu của luận án.

4.5.2. Nội dung, quy mô, đối tượng và thời gian thử nghiệm

4.5.2.1. Nội dung thử nghiệm

Căn cứ vào kết quả khảo nghiệm lý thuyết đã phân tích, giải pháp liên quan đến việc tổ chức bồi dưỡng nâng cao nhận thức và năng lực cho lực lượng giáo viên nhận được sự đồng thuận rất cao về tính cấp thiết và tính khả thi.

4.5.2.2. Phạm vi và địa điểm thử nghiệm

Nhằm bảo đảm tính khách quan và kiểm soát chặt chẽ các biến số nhiễu, nghiên cứu thiết lập mô hình thử nghiệm có đối chứng.

4.5.2.3. Đối tượng và quy mô thử nghiệm

Đối tượng thử nghiệm là đội ngũ giáo viên trực tiếp tham gia tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại hai nhà trường.

4.5.2.4. Thời gian thử nghiệm

Để đo lường được tính bền vững và sự thẩm thấu của các giải pháp quản lý, quy trình thử nghiệm được thiết kế kéo dài qua hai chu kỳ năm học.

4.5.3. Tiêu chí và phương pháp đánh giá thử nghiệm

Nhóm tiêu chí thứ nhất đánh giá sự biến đổi về Kiến thức giáo dục hướng nghiệp của giáo viên. Nhóm tiêu chí thứ hai đánh giá sự phát triển về Kỹ năng tổ chức giáo dục hướng nghiệp cho học sinh. Nhóm tiêu chí thứ ba đánh giá hiệu quả đầu ra thông qua Kết quả giáo dục hướng nghiệp đối với lớp phụ trách.

4.5.4. Kết quả thử nghiệm

Quy trình đánh giá được thực hiện một cách tuần tự, nghiêm ngặt từ khâu xác lập nền tảng đầu vào cho đến khâu phân tích các chuyển biến qua từng giai đoạn can thiệp. Việc sử dụng hệ thống bảng biểu trực quan kết hợp với diễn giải chuyên sâu giúp phác họa rõ nét tính ưu việt của giải pháp quản lý.

Đánh giá tương quan năng lực trước thời điểm thử nghiệm

Trước khi triển khai bất kỳ tác động quản lý nào, nghiên cứu tiến hành đo lường năng lực nền tảng của cả hai nhóm để xác nhận tính đồng nhất của mẫu.

Kết quả đánh giá sau chu kỳ thử nghiệm lần thứ nhất

Sau khi hoàn tất quá trình tác động bao gồm bồi dưỡng chuyên sâu, cung cấp học liệu hội nhập và quản lý sát sao việc thiết kế kế hoạch giảng dạy đối với Nhóm thử nghiệm trong suốt năm học đầu tiên, nghiên cứu tiến hành thu thập dữ liệu đo lường lần hai.

Kết quả đánh giá sau chu kỳ thử nghiệm lần thứ hai

Nhằm kiểm chứng tính bền vững của giải pháp, nghiên cứu tiếp tục duy trì cơ chế quản lý mới đối với Nhóm thử nghiệm trong năm học tiếp theo, kết hợp cập nhật bổ sung các thông tin mới nhất về thị trường lao động.

Đánh giá sự phát triển năng lực qua điểm trung bình tổng hợp hai lần thử nghiệm

Nhằm nhìn nhận rõ hơn biên độ phát triển xuyên suốt quá trình can thiệp, nghiên cứu tiến hành tính toán điểm trung bình tích lũy của các tiêu chí sau cả hai lần thử nghiệm.

Đánh giá hiệu quả can thiệp dựa trên năng lực của học sinh

Sự phát triển năng lực của đội ngũ quản lý và giáo viên cuối cùng phải được phản chiếu qua chất lượng đầu ra của học sinh.

Đánh giá tổng quát hiệu quả can thiệp thông qua kiểm định thống kê

Nhằm cung cấp bằng chứng định lượng mang tính xác quyết về sự thay đổi trước và sau khi áp dụng toàn bộ hệ thống giải pháp đối với đội ngũ tham gia thử nghiệm, nghiên cứu tiến hành thu thập dữ liệu tổng quát và chạy thuật toán kiểm định trung bình mẫu bắt cặp.

So sánh kết quả tổng quát trước và sau thực nghiệm đối với Nhóm thử nghiệm

Thời điểm đánh giá	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Trước thực nghiệm	3,20	0,80
Sau thực nghiệm	3,85	0,65

Kết quả kiểm định thống kê phân tích sự khác biệt

Thông số kiểm định	Giá trị T	Mức ý nghĩa Sig.
So sánh cặp dữ liệu Trước và Sau thực nghiệm	-6,12	0,000

Những con số định lượng trên hệ thống bảng biểu được làm sâu sắc thêm thông qua các dữ liệu định tính thu thập từ quá trình phỏng vấn chuyên sâu ngay sau khi kết thúc chu kỳ thử nghiệm. Các nhận định từ mọi lực lượng liên quan đều phản ánh sự chuyển mình tích cực của không gian giáo dục.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Luận án "Quản lý giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông Thành phố Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế" được thực hiện trên cơ sở tiếp cận hệ thống và tiếp cận quản lý giáo dục hiện đại, nhằm làm rõ cơ sở lý luận, đánh giá thực

trạng và đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông và hội nhập quốc tế. Trên cơ sở các mục tiêu nghiên cứu đã xác định, luận án đã đạt được một số kết quả chủ yếu sau đây:

Trước hết, về phương diện lý luận, luận án đã hệ thống hóa và làm rõ các khái niệm cơ bản liên quan đến giáo dục hướng nghiệp và quản lý giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường trung học phổ thông. Trên cơ sở kế thừa các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, luận án đã xác định giáo dục hướng nghiệp không chỉ là hoạt động cung cấp thông tin nghề nghiệp, mà là một quá trình giáo dục nhằm phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp cho học sinh, bao gồm năng lực tự nhận thức, năng lực tìm hiểu nghề nghiệp, năng lực ra quyết định và khả năng thích ứng với thị trường lao động. Đặc biệt, luận án đã bổ sung và làm rõ yếu tố "bối cảnh hội nhập quốc tế" trong quản lý giáo dục hướng nghiệp, thể hiện ở yêu cầu cập nhật nội dung nghề nghiệp theo xu hướng toàn cầu, phát triển năng lực thích ứng của học sinh với môi trường lao động mở, cũng như tăng cường kết nối giữa nhà trường với các lực lượng xã hội trong và ngoài nước.

Một phát hiện quan trọng của luận án là sự tồn tại khoảng cách giữa nhận thức của các chủ thể quản lý và trải nghiệm thực tế của học sinh. Kết quả phân tích định lượng bằng các kiểm định thống kê như ANOVA và T-test cho thấy cán bộ quản lý thường đánh giá cao hơn so với giáo viên và học sinh, phản ánh sự lệch pha giữa thiết kế quản lý và hiệu quả thực thi. Điều này cho thấy quản lý giáo dục hướng nghiệp chưa thực sự lấy người học làm trung tâm và chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu định hướng nghề nghiệp của học sinh trong bối cảnh hiện nay. Từ kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận án đã đề xuất hệ thống 4 giải pháp quản lý giáo dục hướng nghiệp theo hướng đồng bộ và khả thi. Các giải pháp bao gồm: quản lý nâng cao nhận thức; quản lý mô hình tổ chức; quản lý phát triển nội dung và chương trình; quản lý đổi mới phương pháp và hình thức; quản lý phát triển đội ngũ giáo viên; quản lý phối hợp với các lực lượng xã hội; và quản lý kiểm tra, đánh giá. Hệ thống giải pháp được xây dựng trên nguyên tắc đảm bảo tính mục tiêu, tính thực tiễn, tính hệ thống và tính hội nhập quốc tế, đồng thời có mối quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình triển khai.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn chuyên môn về giáo dục hướng nghiệp theo hướng cụ thể, đồng bộ và phù hợp với yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Bộ cũng cần tiếp tục triển khai và hoàn thiện các chương trình bồi dưỡng giáo viên, đặc biệt là thông qua các chương trình như ETEP, theo hướng tăng cường nội dung về tư vấn hướng nghiệp, tổ chức hoạt động trải nghiệm và sử dụng công cụ đánh giá nghề nghiệp.

2.2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hà Nội

Sở Giáo dục và Đào tạo cần cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Bộ thành các kế hoạch và hướng dẫn triển khai GDHN phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Trong đó, cần xây dựng kế hoạch tổng thể về GDHN trên địa bàn, xác định rõ mục tiêu, nội dung, lộ trình và các chỉ số đánh giá. Sở cần tăng cường công tác chỉ đạo và kiểm tra việc triển khai GDHN tại các trường trung học phổ thông, đặc biệt là các

nội dung liên quan đến đổi mới phương pháp, tổ chức hoạt động trải nghiệm và kiểm tra, đánh giá kết quả GDHN.

2.3. Đối với các trường trung học phổ thông

Các trường trung học phổ thông cần chủ động đổi mới công tác quản lý GDHN theo hướng tiếp cận hệ thống và phát triển năng lực. Nhà trường cần thiết lập mô hình tổ chức GDHN rõ ràng, có bộ phận phụ trách và cơ chế phối hợp giữa các chủ thể như cán bộ quản lý, giáo viên, đoàn thể và các lực lượng bên ngoài. Trong quản lý nội dung GDHN, nhà trường cần chủ động rà soát, bổ sung và điều chỉnh nội dung theo hướng cập nhật, phù hợp với đặc điểm học sinh và bối cảnh hội nhập quốc tế.

2.4. Đối với giáo viên và các lực lượng giáo dục trong nhà trường

Giáo viên cần chủ động nâng cao nhận thức và năng lực về GDHN, tích cực tham gia các chương trình bồi dưỡng và áp dụng các phương pháp giáo dục tích cực trong hoạt động GDHN. Giáo viên chủ nhiệm cần đóng vai trò trung tâm trong việc tư vấn và hỗ trợ học sinh, trong khi giáo viên bộ môn cần tích hợp nội dung hướng nghiệp vào dạy học. Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường như Đoàn Thanh niên cần tích cực tham gia tổ chức các hoạt động trải nghiệm, góp phần làm phong phú hình thức GDHN và tạo môi trường giáo dục toàn diện cho học sinh.

2.5. Đối với cha mẹ học sinh và các lực lượng xã hội

Cha mẹ học sinh cần nâng cao nhận thức về vai trò của GDHN, phối hợp với nhà trường trong việc định hướng nghề nghiệp cho con em trên cơ sở tôn trọng năng lực và sở thích của học sinh. Các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo và tổ chức xã hội cần tăng cường hợp tác với nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động GDHN, cung cấp thông tin nghề nghiệp và tạo điều kiện cho học sinh tham gia trải nghiệm thực tế.

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI ĐÃ CÔNG BỐ

1. Vũ Đình Long (2025), Quản lý giáo dục hướng nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế: Khung lý luận và yêu cầu đặt ra đối với trường THPT tại Việt Nam – tạp chí Giáo chức Việt Nam, số 230 (kỳ 2 – tháng 12/2025)
2. Vũ Đình Long (2025), Thực trạng quản lý giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông thành phố Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế - tạp chí Quản lý giáo dục, số 12 (tháng 12/2025)
3. Vũ Đình Long (2026), Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh hội nhập quốc tế – tạp chí Giáo chức Việt Nam, số 231 (kỳ 1 – tháng 1/2026)
4. Vũ Đình Long (2026), Giải pháp quản lý giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh hội nhập quốc tế – tạp chí Giáo chức Việt Nam, số 232 (kỳ 2 – tháng 1/2026)